

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-4-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thuý Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bích L; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Đường L, Khóm M, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H; sinh năm: 1969; Địa chỉ: Đường L, Khóm M, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam B, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 09 tháng 12 năm 2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã nay là thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59; Quyền 1; đăng ký ngày 07/8/1995. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Sau đó đến năm 2011 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông H không chung thủy, có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng xảy ra cự cãi, không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến khi ông H chấp hành án phạt tù cho đến nay.

Nay Bà Dương Thị Bích L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà Dương Thị Bích L trình bày ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Dương Trang Đ, nữ, sinh ngày 17/9/1997 và Nguyễn Dương Kiện A, nam, sinh ngày: 01/3/2002. Hiện 02 người con của ông bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Dương Thị Bích L trình bày sau khi ông H chấp hành án xong thì bà L với ông H sẽ tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Dương Thị Bích L trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H và Bà Dương Thị Bích L là vợ chồng, ông bà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà L xin ly hôn với ông H thì ông cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm nữa. Về con chung: ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Dương Trang Đ, sinh năm 1997 và Nguyễn Dương Kiện A, sinh năm 2002. Hiện 02 người con của ông bà đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung ông H không yêu cầu toà án giải quyết, sau khi ông chấp hành án xong, ông với bà L sẽ tự thoả thuận; về nợ chung không có.

** Tại phiên Tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L và bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà Dương Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H; Về con chung: do hai người con chung của ông H và bà L đã trưởng thành và bà L, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung: bà L và ông H đều trình bày tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung: bà L và ông H tự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh H; Địa chỉ: Đường L, Khóm M, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, **điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L và bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. **Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của Bà Dương Thị Bích L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 07/8/1995 trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, do Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã nay là thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp. Tại thời điểm kết hôn bà L và ông H đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5, 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận.

Theo bà L, sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, do ông H không chung thủy và ông bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Tuy nhiên, nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do bị đơn ông Nguyễn Thanh H đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá – Trà Vinh, thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2023 thì ông H cũng đồng ý ly hôn với Bà Dương Thị Bích L. Do đó, Bà Dương Thị Bích L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H trình bày, ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Dương Trang Đ, nữ, sinh ngày 17/9/1997 và Nguyễn Dương Kiện A, nam, sinh ngày: 01/3/2002. Hiện 02 người con của ông bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[6]. Về nợ chung: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn Bà Dương Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Bích L.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Do 02 người con của Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về nợ chung: Bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Dương Thị Bích L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000907, ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Dương Thị Bích L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TPST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Kim Hằng